

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 507/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Quang D**, sinh năm 1999;

Cư trú: 942D ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Bà **Liêu Thanh N**, sinh năm 2001;

Thường trú: 481B10 khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Cư trú: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Quang D và bà Liêu Thanh N đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông D và bà N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khả M ngày 29/9/2021 và Trần Hữu N1 sinh ngày 21/12/2022. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận ông D1 người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông D2 yêu cầu bà N cấp D3 nuôi con. Sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: ông D và bà N1 không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: ông D và bà N khai không có nên không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: ông D và bà N tự nguyện liên đới chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: các thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Quang D và bà Liêu Thanh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khả M ngày 29/9/2021 và Trần Hữu N1 sinh ngày 21/12/2022. Sau khi ly hôn, giao cháu Trần Khả M1 Trần Hữu N1 cho ông Trần Quang D4 tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quang D5 thời không yêu cầu bà Liêu Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Trần Quang D và bà Liêu Thanh N khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: ông Trần Quang D và bà Liêu Thanh N khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí: lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Quang D và bà Liêu Thanh N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0005499 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường 8, thành phố Bến Tre - số 09 ngày 29/3/2021(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như